TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-01-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Hiếu**.

2. Ông **Hồ Phi Công**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 753/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/ QĐST- HNGĐ, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990 (*vắng mặt)*

Địa chỉ: Xóm D, thôn D, xã S, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Châu H1, sinh năm 1991. (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2023, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện chị và anh Nguyễn Châu H1 sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2022, tại xã Ủ nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống , vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau. Anh chị không còn sống chung từ tháng 2/2023 đến nay, chị về nhà mẹ đẻ sinh sống nhưng thỉnh thoảng vẫn có đến thăm gia đình anh Nguyễn Châu H1. Tuy nhiên, mỗi lần gặp nhau thì vợ chồng đều xảy ra cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị không còn tình

cảm với anh Nguyễn Châu H1, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Châu H1.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Châu H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, theo lời khai của bà Châu Thị H2 là mẹ ruột của anh H1 trình bày: anh Nguyễn Châu H1 và chị Nguyễn Thị Thanh H là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định. Khi về sống chung với nhau, thì anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị H về nhà mẹ ruột sống, anh H1 sống với bà tại xã X, giữa anh H1 và chị H chưa có con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Anh H1 đi làm, tối mới về nhà. Bà cam kết sẽ giao lại các văn bản tố tụng của Tòa cho anh H1 và khi Tòa án giao giấy tờ cho bà nhận thì bà cũng đã thông báo cho anh H1 biết nội dung, còn việc anh H1 có đến Tòa án làm việc hay không thì bà không biết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Châu H1; về con chung: Không có nên không giải quyết; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Châu H1 nên xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn"*; anh Nguyễn Châu H1 có nơi cư trú tại ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Châu H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Châu H1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Châu H1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2022, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Châu H1 vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; anh Nguyễn Châu H1 không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, quá trình xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ đều thể hiện hiện nay chị H và anh H1 không còn chung sống với nhau, bản thân cả hai anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa, mặc dù anh chị đã tự hòa giải nhưng vẫn không về chung sống với nhau được. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Châu H1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Châu H1 không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Châu H1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Châu H1 khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Châu H1.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0008975 ngày 23/10/2023 được tính trừ vào án phí. Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Châu H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trang